

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 23 – 5 – 2022.
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Như H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Minh N, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Ấp P, thị trấn P L, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N T A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị Như H trình bày như sau:

Chị H và anh N sống chung với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống khiến cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên thường xuyên cự cãi bất hòa, hai bên đã hàn gắn nhiều lần để chung sống nhưng vẫn không dung hòa với nhau được.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015, chị H xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Võ Minh N có ý kiến như sau:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, hai vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, theo yêu cầu của chị H thì anh N đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015, anh N đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh N không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh N thống nhất xác định có 01 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015 (theo nguyện vọng cháu A), chị H và anh N thống nhất giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị H và anh N thống nhất thỏa thuận anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H đối với anh N là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015 (Theo nguyện vọng của cháu A), cho chị Như H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn với anh N, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh N chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng cho đến nay anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H và anh N đều thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Như H và anh Võ Minh N.

[4] Về con chung: Chị H và anh N thống nhất xác định có 01 người con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015 (Cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị H), chị H và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Hoàng A cho

chị Như H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Như H và anh Võ Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 23/12/2015 (Cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị H), cho chị Như H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H và anh N thống nhất thỏa thuận anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh N không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh, chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị H và N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Như H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004748 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm